

MỤC LỤC

TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Dân với dân chủ và nhà nước dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh	3
Nguyễn Anh Cường, Trần Mai Ước, Bùi Ngọc Dũng, Nguyễn Hải Đăng	
Một số quan điểm của Nguyễn An Ninh về văn hóa và chính trị	13
Nguyễn Thanh Bình, Lê Ngọc Hiền	
Tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước - vận dụng trong giai đoạn hiện nay	24
Trịnh Quốc Việt	
Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện và vận dụng ở Việt Nam hiện nay	35
Nguyễn Thị Luyên, Hoàng Thị Ngọc Minh	
Về một số giá trị của người dân ở nông thôn Việt Nam ngày nay	45
Phan Đức Nam	

KINH TẾ

Vai trò của các tổ chức xã hội đối với công tác hỗ trợ công nhân trong các khu công nghiệp	59
Đỗ Tá Khánh, Châu Hoàng Mẫn	
Vai trò của thành phần kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay	73
Nguyễn Hồng Thu	
Xây dựng xã hội không dùng tiền mặt: kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam	80
Nguyễn Ngọc Phương Hồng, Lưu Minh Sang	

SỬ HỌC - KHẢO CỔ HỌC - DÂN TỘC HỌC

Quan hệ thương mại Nhật Bản và Mỹ giai đoạn 1951-1960	92
Hoàng Thị Mai Hương	
Quá trình phát triển cây lâm sản ở một huyện vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nhìn từ yếu tố văn hóa tộc người	105
Nguyễn Công Thảo	
Chính sách “nuôi dưỡng sức dân” của vua Minh Mạng	118
Ngô Đức Lập	

Chính sách “nuôi dưỡng sức dân” của vua Minh Mạng

Ngô Đức Lập*

Nhận ngày 3 tháng 9 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2021.

Tóm tắt: Trong hai thập niên trị vì (1820-1840), vua Minh Mạng đã xây dựng nền quân chủ chuyên chế vững mạnh và có nhiều đóng góp trong việc khẳng định chủ quyền lãnh thổ cũng như trong lịch sử và văn hóa dân tộc. Để có được những thành công lớn đó, ông đã ban định và thực thi nhiều chính sách. Trong đó có những chính sách lớn về khai khẩn đất hoang, lập làng; cứu trợ, giảm và miễn thuế cho dân chúng khi bị thiên tai, đói kém... luôn được chú trọng. Đặc biệt, ông rất nghiêm khắc trừng trị những vị quan lại tham ô, những nhiều dân chúng, đồng thời ban thưởng cho những vị quan lại thanh liêm, mẫn cán chăm lo cho dân, cho nước... Nghiên cứu này làm sáng tỏ một số chính sách “nuôi dưỡng sức dân” của vua Minh Mạng, như: chính sách khai khẩn đất hoang, phát triển kinh tế; chăm lo cho dân chúng khi bị thiên tai, cướp bóc, đói kém...

Từ khóa: Vua Minh Mạng, chính sách, dân chúng, miễn thuế, phát chẩn.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: During his two decades of reign (1820-1840), King Minh Mạng built a strong autocratic monarchy, significantly contributed in asserting territorial sovereignty as well as in the national history and culture. In order to achieve those great successes, he established and implemented many policies. Among them, major policies on reclaiming wasteland and establishing villages, relief, reduction and tax exemption for people in case of natural disasters, famine, etc. were always focused. Notably, he severely punished corrupted mandarins, and at the same time rewarded honest and diligent mandarins who took care of the people and the country. This study sheds light on a number of policies that “nourishing the people” of King Minh Mạng, such as the policy of reclaiming wasteland, developing economy, taking care of the people when they were affected by natural disasters, looting, famine, etc.

Keywords: King Minh Mạng, policy, people, tax exemption, giving alms.

Subject classification: History

* Trường Đại học Khoa học Huế.
Email: ngoduclap1976@gmail.com

1. Dẫn nhập

Vua Minh Mạng tiếp nối thành tựu của cha (vua Gia Long) để lại (đất nước nước cơ bản được thống nhất, cương vực lãnh thổ rộng lớn nhất trong lịch sử). Bên cạnh đó, những thách thức lớn cũng đặt ra cho quá trình thiết lập và bảo vệ nền quân chủ chuyên chế của ông, như: bộ máy hành chính ở Bắc Thành và Gia Định Thành chưa được thống nhất; thiên tai, dịch bệnh, giặc giã... xảy ra liên miên đe dọa sự an nguy của đế quyền và cuộc sống của dân chúng. Tuy nhiên, sử sách đánh giá ông là vị vua anh minh, có tầm nhìn xa trông rộng và để lại nhiều giá trị cho lịch sử dân tộc. Cùng với thành tựu trong cuộc cải cách hành chính, ông đã thực thi nhiều chính sách an dân nhằm chăm lo cho dân chúng... nhất là những người nghèo khó, đói rách. Ông từng trần trối: “Nếu một người dân đói rét, trăm cũng không thể ăn ngon, ngủ yên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4, tr.725)... Nhờ vậy, xã hội Việt Nam dưới thời vua Minh Mạng được sử sách đánh giá là thịnh trị trên nhiều lĩnh vực.

2. Những chính sách khai khẩn đất hoang, phát triển kinh tế

2.1. Khuyến khích khai khẩn đất hoang mở mang đồng ruộng, làng mạc

Vua Minh Mạng rất coi trọng nghề nông nên việc “khai khẩn ruộng hoang vẫn là điều cốt yếu dẫn đạo dân chăm nghề gốc” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.115). Trong thời gian ở ngôi, năm nào ông cũng tổ chức cho khai khẩn đất hoang với nhiều chính sách khác nhau để làng mạc ngày càng nhiều, đất ruộng, đồn điền ngày càng được mở rộng và trù phú. Từ đó, dân chúng sẽ yên tâm làm ăn, sinh sống và tiền thuế triều đình thu được cũng ngày càng nhiều hơn... Từ đó dân sẽ tin yêu triều đình, đất nước sẽ thịnh trị. Sử sách còn ghi chép rất nhiều về chính sách khai khẩn ruộng đất dưới thời vua Minh Mạng. Cụ thể:

Năm 1825, vua phái lính cùng dân chúng (lính trấn mỗi bảo 5 người, dân thủ bảo mỗi bảo 20 người) và cấp cho cày bừa để khai khẩn bốn bảo Thạch Lĩnh, Kỳ Lộ, Vân Trúc, Phúc Sơn (Phú Yên) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Năm 1828, trước tình hình nhiều vùng ở Giao Thủy, Chân Định (Nam Định) ruộng bỏ hoang hàng ngàn mẫu, dân chúng muốn khai phá nhưng tốn phí mà những vùng đó trộm cướp ẩn nấp nhiều, dân đến sẽ bị chúng quấy phá, dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ xin chiêu mộ dân nghèo các hạt đến khai khẩn, nếu ai chiêu mộ được 50 người thì lập một làng và cho làm lý trưởng, nếu ai chiêu mộ được 30 người thì lập một ấp và cho làm ấp trưởng. Đồng thời, xin cấp tiền công để dân chúng làm cửa nhà, mua trâu bò nông cụ và cấp tiền gạo trong 6 tháng, sau 3 năm sẽ thu thuế. Vua y cho (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.3).

Đối với những vùng đất hoang hóa nhưng xa xôi, hiểm trở... nếu cho dân chúng khai hoang sẽ khổ cực, vất vả, vua Minh Mạng đã cho tội phạm đang phạt tù hoặc binh lính đến khai hoang, sau 2-3 năm thành ruộng tốt trồng trọt, cày cấy mới đưa dân chúng tới sản xuất, sinh sống lâu dài. Ông “nhiều lần chỉ dụ cho các quan phải cân nhắc sức dân trong những công việc nặng nhọc. Khi dân gặp thiên tai, dịch bệnh, không được sai dân

đi làm những việc công ích thái quá khiến sức dân suy kiệt” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.6, tr.273). Năm 1838, ông dụ kiểm xét tù nhân đi đày và người bị tội phát làm binh lao động khổ sai ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi cho đi khai khẩn những vùng đất hoang cày cấy, sau khi thành ruộng sẽ cho dân đến ở cùng. Chính sách này, không chỉ giúp triều đình và dân chúng mở mang diện tích canh tác, hình thành làng mạc mới, mà còn giúp cho tội phạm lấy công chuộc lỗi, tù nhân chủ động được nguồn lương thực giúp triều đình giảm chi phí (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5).

Triều đình cũng thi hành chính sách miễn thuế 6 năm đầu đối với những vùng đất, ruộng hoang dân chúng mới khai khẩn ở Nam Kỳ nhằm tạo điều kiện cho dân chúng sản xuất, ổn định cuộc sống lâu dài và ổn định dân cư, mà triều đình cũng dễ bề quản lý. Tuy nhiên, tình trạng sau 6 năm thu được hoa lợi nhiều, dân chúng sẽ bỏ đi khai khẩn những vùng khác để hưởng tiếp 6 năm miễn thuế “há chẳng lại thành cày cấy lậu thuế, rút cục không có kỳ hạn bắt đầu thu ư? Đó chỉ là mở đường cho dân gian lười biếng, trốn thuế, ít khi yên nghiệp được lâu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.157-158). Năm 1837, vua Minh Mạng đã ban định đối với những vùng đất ở Nam Kỳ để khai khẩn, vỡ hoang sau 2 năm đã thành ruộng tốt thì chỉ được miễn thuế 3 năm đầu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5).

Năm 1838, Bộ chính Khánh Hoà là Vũ Đĩnh thỉnh cầu, một số vùng đất ở Khánh Hoà bỏ hoang, nhưng cây cối rậm rạp nên chiêu mộ dân ở những vùng khó khăn đến phá hoang, cày cấy. Vua dụ rằng: “Đất hoang hóa, cây cối rậm rạp nếu dời dân nơi khác đến chỉ thấy mệt nhọc mà chưa thấy có lợi được nhờ, hơn nữa dân mới đến sẽ rất khó nhọc có thể trốn tránh... nên cho binh biên đến những nơi bỏ hoang cắt bỏ cỏ cây, khai phá thành ruộng, rồi trồng cây thu hoa lợi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.373). Trong một số trường hợp, triều đình có thể xét cho những tội phạm chăm lo cải tạo sau khi mãn hạn, nếu có nguyện vọng sẽ cho ở lại hưởng số ruộng đã khai hoang được để sinh sống lâu dài. Năm 1840, vua Minh Mạng ban dụ cho số tù đồ tỉnh Biên Hoà mãn hạn “nếu muốn lưu lại ở điền sở, thì cho sáp nhập vào dân sở tại, vào sổ đinh chịu sai dịch, và đem ruộng khai khẩn được ấy cho làm tư điền để sinh sống làm ăn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.373). Dụ được ông cho định làm lệ áp dụng trên cả nước.

Ông còn thuê dân chúng khẩn hoang. Năm 1838, một số vùng xa ở Kinh đô đất khô cằn, hoang hóa dân chúng ngại không đến khai khẩn canh tác, vua Minh Mạng dụ Bộ Hộ rằng: “Liệu thuê 2.000 người dân hạt ấy, hợp lực khai khẩn...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.750). Sau khai khẩn được 140 mẫu thành ruộng vườn, 90 người dân đến xin ở và cày cấy, vua sai cấp cho mỗi người 10 quan tiền và miễn các chế độ sai, dịch, ruộng cày cấy sau 6 năm mới thu thuế (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5).

Vua Minh Mạng từng tổ chức khai khẩn đảo Côn Lôn (Côn Đảo). Tuy nhiên, do đảo xa xôi, điều kiện khó khăn... dân chúng khó có thể tự khai khẩn định cư lâu dài, vua đã cho đưa tội phạm và binh lính ra cùng dân khai khẩn. Ban đầu chưa có lương thực, triều đình đã “cấp cho canh ngư điền khí, thóc giống và cho gà, lợn, dê, chó...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.708). Đến năm 1840, vua sai thị vệ là Tôn Thất Hạ ra đảo do thám và sau đó về báo rằng: “Dân sở tại có đến 200 người, nhưng tù phạm cũng nhiều, ruộng đã khai khẩn ước được 150 mẫu nhưng không đủ lương thực cho dân chúng và tù phạm, nên khoảng tháng 3-4, nhân tiện gió thuận, dân vào đất liền mua gạo, nhu yếu

phẩm nhưng từ tháng 5 đến tháng giêng năm sau trên đảo chỉ tìm khoai nủ nấu trộn với gạo để ăn... cuộc sống rất khó khăn, vất vả. Vua hạ lệnh cho chở 1.000 phương gạo ra đảo, khi mùa mưa bão cấp cho tù phạm và dân chúng. Hơn nữa, số binh đóng trú chỉ hơn 50 người, trong khi tù phạm quá nhiều sẽ khó đảm bảo được phòng giữ. Vua liền sai, cho người già yếu, trẻ con không lao động, sản xuất được mà có nhu cầu vào đất liền thì cho thuyền chở vào; đối với tù phạm, chọn khoảng 200 tên tội nhẹ mà biết yên phận giữ phép cho ở lại để làm đồn điền sau khi mãn hạn sẽ cho ở lại lâu dài, còn những tên vốn tính hung ác thì đem về tỉnh tiếp tục hành án” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.710-711).

Sau 2-3 năm khai hoang đã thành ruộng đất thuận lợi cho cày cấy, triều đình có thể cho dân chúng tự nguyện đến canh tác, sinh sống lâu dài. Triều đình cũng có thể để binh lính hoặc tù binh ở lại hỗ trợ dân chúng canh tác. Tùy thuộc vào tình hình thực tế, một số vùng sau khi khai hoang, có thể xét cho những tù binh siêng năng, chăm chỉ lao động mãn hạn tù được ở lại nhận ruộng canh tác và sinh sống. Năm 1835, vua Minh Mạng sai các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận xét cấp ruộng đất bỏ hoang cho những tù nhân triều đình đã có chỉ cho tha tội được sung làm lính, phân chia cho ở các xã thôn ven biên giới. Truyền dụ “cho các đốc, phủ, bố, án các tỉnh xét xem trong hạt mình có những chỗ đất có thể cày trồng mà bỏ không, dân không thể khai khẩn được, thì cấp ngay cho những tù phạm được sung làm lính để chúng ra sức làm lụng trồng cấy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4, tr.757).

Chăm lo, đốc thúc khai khẩn mở rộng ruộng đất canh tác cũng là một trong những tiêu chí để triều đình xét công thưởng phạt quan lại. Năm 1839, vua định lệ thưởng phạt về việc khai khẩn ruộng hoang ở Nam Kỳ¹. Tuy nhiên, triều đình cũng quy định những địa phương để ruộng hoang hóa nhiều sẽ bị phạt. Đó là, số đất bỏ hoang đem so với số đã tăng khẩn được dồn vào để đối tính². Cũng trong năm 1838, Bộ Hộ tâu xin thực hiện chế độ thưởng phạt về khẩn hoang từ Bình Thuận trở ra Bắc như Nam Kỳ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5).

2.2. Khuyến mong dân chúng chăm lo phát triển kinh tế

Ông từng dụ Bộ Hộ: “Từ xưa các bậc đế vương, trị dân không ai không lấy việc trọng nông làm việc trước, bởi thế cho nên chung quanh nhà không trồng trọt thì phải nộp thuế bằng vải, mà ruộng nương ngày một mở mang, thì có phép quan địa phương được phong

¹ Theo đó, cấp tỉnh: khẩn được trên 800 mẫu thưởng gia 1 cấp; trên 600 mẫu thưởng kỷ lục hai thứ và 3 tháng lương; trên 200 mẫu thưởng kỷ lục một thứ. Cấp phủ/huyện: khẩn được trên 300 mẫu thưởng kỷ lục một thứ và 3 tháng lương; trên 200 mẫu thưởng kỷ lục một thứ; trên 150 mẫu thưởng mỗi viên Phi long ngân tiền lớn nhỏ mỗi hạng một đồng; 100 mẫu trở lên, thưởng ngân tiền nói trên mỗi thứ 3 đồng. Cấp tổng: khẩn được trên 100 mẫu thưởng 15 quan tiền, trên 50 mẫu thưởng 80 quan. Cấp xã, thôn: khẩn được trên 200 mẫu thưởng 20 quan tiền; trên 100 mẫu thưởng 18 quan; trên 50 mẫu thưởng 10 quan; trên 20 mẫu thưởng 4 quan (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.618).

² Cụ thể: chia ra làm 100 thành, hạt nào số ruộng bỏ hoang không tới 1 thành thì quan tỉnh bị phạt 3 tháng lương; phủ/huyện đến hơn 2 thành, phạt 1 năm lương; hơn 1 thành phạt 9 tháng lương; không tới 1 thành phạt 6 tháng lương. Cai tổng trên 100 mẫu phạt 100 trượng và cách dịch; trên 70 mẫu phạt 90 trượng và cho lưu lại làm việc; trên 30 mẫu phạt 60 trượng. Lý dịch, trên 50 mẫu phạt 100 trượng và bãi dịch; trên 20 mẫu phạt 90 trượng và cho lưu lại làm việc... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.618).

thêm đất thẳng chức, thực lấy việc của dân không thể chênh mảng được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.115). Bởi vậy, ông thường xuyên chăm lo phát triển kinh tế, nhất là trọng nông. Năm 1821, mấy tháng liền không mưa, Cai bạ Quảng Nam là Nguyễn Kim Trung tâu: “Tháng sau mà không mưa thì sợ hại việc nông”. Vua buồn rầu nói: “Nay đương mùa làm ruộng mà trời lại ít mưa, sao riêng khổ cho dân miền ấy để trăm ngày đêm lo phiền”, liền sai chia quan đi sứ các dinh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi để thăm dò tình hình lúa ruộng của các địa phương về tâu báo để vua có kế sách cho dân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.115).

Vua Minh Mạng cũng thường nhắc nhở và khuyên nhủ dân chúng phải chăm chỉ lao động, siêng năng và chăm lo cuộc sống. Năm 1821, vua nhắc dân chúng rằng: “Thuế ruộng, thuế thân là phép đã định không đổi của đế vương”, nhưng “lo nghĩ đến dân nghèo, mỗi lần gặp thiên tai trăm càng thêm tu tỉnh, nghĩ sao cứu giúp nuôi nấng được dân” đành chẳng tiếc mà miễn giảm thuế, phát chẩn, cho vay... nhưng “nhân dân các người nên chăm việc cày cấy để cung nộp cho nhà vua, đừng thấy nhiều lần xá miễn mà sinh lười biếng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.159). Các bậc kỳ lão nên “răn dạy con em, học trò thì để tâm vào sách vở, làm nông thì gắng sức cày ruộng, trồng dâu” và “chăm nghề căn bản (nghề nông - tác giả), sống yên nơi đồng ruộng, đừng nên vin cơ mất mùa đói kém rủ nhau trộm cướp mà tự hãm mình vào pháp luật” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.161).

Năm 1829, Gia Định Thành được mùa, nhưng ông nhắc nhở quan lại: khuyên bảo, hướng dẫn nhân dân, chớ thấy được mùa thóc gạo nhiều mà dễ sinh tự mãn. Đặc biệt, ông giao cho trấn thành Gia Định cho ghe thuyền chở gạo nơi được mùa đến bán cho nơi mất mùa, thiếu gạo để “khỏi đến nỗi thóc rẻ hại nhà nông” và nghiêm cấm “không được bán trộm ra nước ngoài một hạt nào” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.843). Những năm được mùa, triều đình cũng khuyến khích dân chúng bán gạo cho triều đình để dự trữ phòng khi có giặc giã, mất mùa, đói kém thì bán rẻ hay phát chẩn hoặc cho dân chúng vay...

3. Chính sách chăm lo cho dân chúng khi bị thiên tai, cướp bóc, đói kém

3.1. Cứu trợ cho dân chúng khi bị thiên tai, đói kém

Nước ta nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, mùa nắng gây hạn hán thời gian dài và mùa mưa lụt bão triền miên gây khó khăn, thiệt hại cho nhân dân. Dưới triều Minh Mạng, sản xuất nông nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, nên mất mùa đói kém hầu như năm nào cũng xảy ra. Do vậy, cứu trợ lương thực cho dân gặp đói kém cũng là hoạt động thường xuyên của triều đình. Năm 1826, phủ Trấn Ninh (Nghệ An) giá gạo lên cao (1 phương 4 quan tiền), nhân dân thiếu ăn mà không có tiền mua. Trấn thành xin chi 1.500 hộc trong kho chia cấp cho dân. Vua y cho (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2).

Đó là đối với những địa phương bị thiên tai, mất mùa dân chúng thiếu đói, vua sẽ cho mở kho thóc dự trữ bán rẻ để kịp thời cứu dân qua hoạn nạn. Năm 1822, một số huyện ở Quảng Nam lúa bị sâu keo phá hoại, mất mùa. Vua biết tin, liền cho mở kho bán thóc, gạo giá rẻ cho dân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Năm 1826, vua giao Bộ Lễ đặt kho xã thương để phòng khi mất mùa mở kho cấp phát hay cho dân chúng vay thóc gạo cứu đói

(Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Năm 1829, 2 châu Vân Đồn và Vạn Ninh (Quảng Yên) dân chúng đa số thiếu lương thực, nạn đói khắp nơi, triều đình cho bán 3.000 hộ thóc giảm giá mỗi hộ 4 đồng cân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2).

Triều đình cũng có thể cho dân vay thóc gạo để chống đói, những vụ sau sẽ trả lại cho triều đình. Vụ lúa chiêm năm 1824, ở Hải Dương mất mùa nặng nề, “tuy thành thần chưa đem tình trạng tâu lên, há cứ ngồi nhìn mà không động tâm sao!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.371). Bèn sai Tham tri Hộ tào Bắc Thành là Đoàn Viết Nguyên hội cùng trấn thần xuất 100.000 hộ thóc kho cho dân vay chống đói (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Đói với những vùng đất đai khô cằn, khó khăn cho việc canh tác và thường xuyên mất mùa, vua Minh Mạng sẽ cho vay thóc gạo nhưng không lấy lãi. Năm 1837, vua dụ rằng: “Toàn hạt Quảng Trị đất xấu dân nghèo, liền năm mất mùa, tuy dân hèn hết sức cày gặt, nhưng cũng không đủ, trầm rất nghĩ bồi đắp vun giồng, để đời sống của dân được no đủ”. Ông liền sai Cấp sự trung Hà Thúc Trương và Cấp sự trung Mai Hữu Điển đi phát tiền thóc cho dân vay: tiền từ 10 quan đến 100 quan, thóc từ 10 hộ đến 100 hộ, “hạn đến vụ hạ năm sau, nộp trả nhà nước, không phải trả lãi, nếu thóc năm ấy chưa được thuận hòa, thành thực, xin hoãn lại 6 tháng hay 1 năm”. Đặc biệt, người đứng tên vay “không may bị chết mà con cháu không đủ sức trả nợ, hoặc cố ý trốn đi mất, đều tha cho cả, không bắt thân thuộc và tổng lý nộp đền” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5, tr.95-96).

Không chỉ quan tâm đến người Kinh, vua Minh Mạng còn quan tâm giảm thuế cho đồng bào Mán, Nùng và các dân tộc khác (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.6). Vua Minh Mạng còn cứu đói cho cả dân chúng nước Xiêm phiêu bạt sang nước ta. Năm 1827, trấn thần Gia Định tâu việc: “Hàng ngàn dân các man Sô Liên, Song Khả và Cổ Khẳng (nước Xiêm) xiêu tán đến một số địa phương biên giới phía Tây Nam nước ta “hái lá cây và nấu bèo để ăn, nhiều người chết đói”. Vua động lòng thương nói rằng: “Trẫm thương dân như một, sao nỡ ngồi trông mà không cứu”, liền sai phát 4.000 phương gạo và 200 phương muối” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.636).

3.2. Miễn/giảm thuế và cứu trợ cho dân chúng khi bị thiên tai, mất mùa và hỏa hoạn

Việc miễn/giảm thuế là việc làm thường xuyên đối với những địa phương có thiên tai, dịch bệnh, giặc dã... Vua Minh Mạng từng tự trách mình: “Có lẽ đức ta làm vua chưa trọn, hình ngục còn có oan uổng, chính sự còn có thiếu sót, cho nên lòng trời thương yêu lấy thể để răn chẳng? Nếu không thế thì nhân dân tội gì mà phải chịu riêng tai nạn như thế?”. Trước tình cảnh “dân mọn no ăn đủ mặc còn khó bắt buộc vào lễ nghĩa, nữa là vì đói rét thúc bách thì giữ sao được lòng thương. Hoặc có kẻ nổi lên trộm cướp thì chẳng khỏi bắt tội, há chẳng phải làm khổ dân ta một lần nữa hay sao?”. Mọi sự chăm dân như: “Chấn tuất, giảm thuế, xá thuế” triều đình đều không tiếc gì. Trẫm “còn sợ nhân dân chưa thấu suốt được lòng trẫm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.756).

Từ những năm đầu lên ngôi, vua Minh Mạng đã xem xét giảm thuế cho những địa phương có ruộng đồng bị hạn hán, sâu bọ phá hoại, mất mùa. Tuy nhiên, việc miễn giảm thuế cho dân chúng là phải kịp thời. Năm 1821, vua ngự giá đến hành cung Nghệ An. Ban dụ rằng: “Nghệ An là vùng đất xấu dân nghèo, thường bị mất mùa. Năm nay mưa bão lớn,

dân chúng lại đói khổ, “nếu lại theo lệ thường mà chờ đến nơi xem xét thì dân tình mắc nạn đương mong mỏi”, vua liền tha thuế vụ đông năm đó. Tuy nhiên, có người đã nộp thuế rồi, vua lập tức truyền dụ: “Phàm ai đã nộp thuế rồi thì lưu trữ vào thuế năm sau”. Lập tức hạ lệnh xuất 6.000 quan tiền phát cho nhân dân trong hạt và dụ quở quan lại sở tại: “Các người là quan lại, phải công bằng giữ phép dẹp trộm cướp để yên dân, thì mới không phụ ý trăm thương yêu nhân dân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.159).

Năm 1823, ở huyện Đông Xuân (Phú Yên) ít mưa, lúa tổn hại từ 3 phần đến 6 phần 10. Vua dụ rằng: “Dân hạt này vốn tính thực thà, từ trước đến nay chưa từng báo nhằm tai ương, cũng chưa từng cầu ơn khoan giảm”. Nên “thuế ruộng năm nay có thể đặc cách tha cho một nửa, còn một nửa thì chia làm 10 phần, 2 phần hoãn thu, 8 phần nộp bằng tiền” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.274). Ở Quảng Nam, vụ mùa đông năm ngoài lúa bị sâu cắn hư hại nhiều, mùa xuân năm nay lại gặp gió bắc, lúa ruộng tổn hại từ 4 phần đến 8 phần 10. Vua dụ sai xét “tổn 4 phần thì giảm cho 2 phần 10, tổn 5 phần thì giảm 3, tổn 6 phần thì giảm 4, tổn 7 phần thì giảm 5, tổn 8 phần thì giảm 6” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.276).

Năm 1824, hai trấn Quảng Ngãi, Phú Yên bị bão làm hư hại lúa. Vua liền nhắc nhở quan sở tại và giảm thuế cho Quảng Ngãi 3 phần 10, Phú Yên 2 phần 10 (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Năm 1835, huyện Minh Linh (Quảng Trị) mất mùa, dân chúng phải đi kiếm ăn các nơi và có người chết đói, tuần phủ Trần Danh Bưu tâu lên triều đình. Vua xuống dụ miễn hết tô thuế trong năm và sai mang tiền, gạo đến phát chẩn cho (mỗi người 1 quan tiền và gạo 1 phượng) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4).

Năm 1825, một số trấn ở Hải Dương và Nam Định ruộng vừa bị hạn hán vừa bị nước mặn xâm nhập đất không cày cấy được. Vua lệnh cho Bộ Hộ kiểm tra ruộng nào không cấy được thì tha thuế hết, ruộng nào tổn hại 4/10 thì giảm 2 phần thuế, tổn hại 5/10 thì giảm 3 phần thuế, tổn hại 8/10 trở lên đều miễn cả và số thóc vay của nhà nước năm ngoài đều miễn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2).

Năm 1826, quan Bắc Thành tâu rằng 13 huyện thuộc trấn Hải Dương nhân dân vì đói xiêu tán đến 108 xã thôn, ruộng bỏ hoang hơn 12.700 mẫu, thóc thuế vụ đông năm ngoài không lấy gì nộp được. Vua Minh Mạng liền hạ lệnh cho miễn hết các khoản thuế trong năm và thuế còn nợ các năm trước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Cũng trong năm 1826, trước tình trạng trộm cướp lợi dụng bờ sông, bờ biển³ để xâm nhập cướp bóc tài sản, vật nuôi và đe dọa dân chúng lại thêm nhiều năm mất mùa đói kém, dân chúng phiêu bạt. Vua Minh Mạng than: “Dân địa phương ấy ví như người ốm lâu trơ xương, chẳng cho uống thuốc mà cứ yên lặng đứng xem, thì có khác gì trông thấy đứa bé đương bò vào giếng mà không động lòng thương xót” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.527). Vua ban dụ cho Nguyễn Hữu Thận tra xét thấy có 37 xã thôn cần triều đình hỗ trợ, liền cho miễn hết các khoản thuế phải thu năm nay và tiền thóc còn thiếu của các năm trước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2)...

³ Dưới thời Minh Mạng, tỉnh Hải Dương bao gồm cả một số huyện của thành phố Hải Phòng ngày nay.

Để hỗ trợ dân chúng nhanh chóng khôi phục sản xuất cho vụ mùa sau, ngoài miễn/giảm thuế, phát chẩn, bán thóc, gạo giá rẻ... triều đình cũng linh động cấp cây giống, thóc giống và hỗ trợ trâu bò cày kéo. Năm 1828, trấn Bình Hoà mưa lụt, lúa bị hại hết. Vua sai trấn thần xuất tiền gạo phát chẩn và ruộng nào có thể cấy lại được thì cấp cho thóc giống để dân chúng gieo trồng kịp mùa vụ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Vua Minh Mạng còn miễn/giảm thuế cho ngư dân đánh bắt thủy hải sản khi gặp bão lũ thiên tai gây thiệt hại lớn. Năm 1824, vùng Thanh Hóa và Nghệ An nguồn lợi từ đánh bắt thủy sản thâm hụt, triều đình liền tha thuế cửa quan và thuế bến đò năm đó và những người thiếu thuế năm trước cũng được miễn hết (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2).

Ông cũng cứu trợ, miễn giảm thuế cho dân chúng bị hỏa hoạn. Năm 1828, hơn 200 nhà dân ở ngoài Bắc Thành bị cháy, triều đình liền cho phát tiền chẩn tuất cho những người chết cháy. Khoảng 10 ngày sau lại có hỏa hoạn làm cháy hơn 1.430 ngôi nhà, nhiều người bị thương, bị chết. Vua lệnh cho Bộ Hộ rằng: “Hoả tai một tháng hai lần, nhân dân ta khổ sở chịu sao nổi?”. Lập tức sai cấp mỗi nhà bị cháy 3 quan tiền 2 hộc thóc; mỗi người chết 1 lạng bạc, 1 tấm vải 2 quan tiền; mỗi người bị thương 2 quan tiền; nhà đông người cấp 3 hộc, nhà hạng trung 2 hộc, nhà hạng tiểu 1 hộc (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Năm 1829, trấn Hà Tiên có hơn 140 ngôi nhà bị cháy. Quan thành Gia Định xin dòi dân đến trấn ly mới để cho nhân dân đông đúc. Vua y cho và sai cấp mỗi hộ có người chết 3 quan tiền (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2).

Năm 1827, ba trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Nam Định ở Bắc Thành mưa lũ lớn làm hầu hết các hệ thống đê đều vỡ, nhà cửa, ruộng vườn đều ngập chìm, dân chúng có người lũ cuốn chết. Vua Minh Mạng trách quở trấn thần: đê vỡ không phải quan đê chính đến ngay để trừ tính cứu dân, mà chỉ giao cho ty thuộc không biết chuyên môn đê điều, lũ lụt “thì giữ sao cho khỏi tệt tuỷ tay nặng nhẹ được?”. Lại nữa, “tai nạn của dân có việc gì hơn việc ấy không?”, nhưng khi tâu báo không lấy ngựa đi cho nhanh để triều đình ứng cứu kịp thời. Vua lấy làm thương xót, xuống dụ “không cứ đàn ông, đàn bà, già trẻ, người chết đuối thì cấp 3 quan tiền, người đói mà rất nghèo cấp mỗi người 2 quan tiền 1 phượng gạo, người nghèo vừa cấp 1 quan tiền 1 phượng gạo” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.648).

Chính sách cứu đói của triều Minh Mạng không chỉ có việc bán rẻ hoặc cho vay thóc gạo, mà những hộ nghèo không có tiền mua thóc gạo, triều đình sẽ linh động phần cho vay không lãi, vụ mùa tới phải trả hoặc phát chẩn/cấp không. Năm 1832, trước tình trạng dân chúng một số địa phương ở Hưng Yên mất mùa, giá gạo quá đắt, triều đình đã mở kho bán thóc gạo giá rẻ nhưng một số nhà quá nghèo không có tiền mua. Vua Minh Mạng liền cho lấy “15.000 hộc thóc theo số người trong sổ đình không kể có hay không có vật lực, đều cho vay 1 hộc thóc, còn thì đem phát chẩn cho dân nghèo khó” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.3, tr.449).

Vua Minh Mạng cho rằng: “Kẻ cướp lấy của, không cứ thủ phạm tông phạm đều chém, điều luật đó rõ ràng”. Tuy nhiên, “thiên tai, dịch họa” làm cho dân chúng phiêu bạt, đói kém... dẫn đến bản cùng, túng quẫn sinh tệt trộm cướp, giết chóc. Năm 1823, ở Gia Định vì dịch bệnh nên dân chúng một số nơi đói quẫn đã nổi dậy cướp bóc, vua Minh Mạng lệnh cho Bộ Hình: “Trăm thương dân nghèo ngặt vì đói rét mà mắc phải tội lệ (cướp bóc),

nên đặc cách hạ lệnh phạm ăn cướp thì kẻ tòng phạm cho giảm tội chết mà kết tội lưu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.315) và chỉ áp dụng trường hợp đặc biệt cho Gia Định chứ không phải thành định lệ.

Năm 1827, sau khi đánh dẹp được thổ phi ở Nam Định nhưng dân chúng vẫn khó khăn trăm bề, có người sợ hãi phải đem vợ con đi tha hương, nhiều người thiếu ăn, thiếu mặc... Vua Minh Mạng cho như vậy “chẳng khác gì người ốm nặng mới khỏi, nếu không có tằm bổ mạnh thì sao hay bồi lại nguyên khí” để yên lòng dân muôn việc sau sẽ thuận. Bèn hạ lệnh “cho các quan trấn phủ huyện hiểu dụ cho nhân dân các làng mạc ở yên làm ăn, kẻ đau ốm thì giúp đỡ, kẻ xiêu tán thì gọi về” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.585).

3.3. Hoãn duyệt tuyển binh lính và diệt trừ giặc giã, thổ phi, cướp bóc bảo vệ dân chúng

Vua Minh Mạng còn hoãn duyệt binh, tuyển lính đối với những địa phương bị thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, đói kém. Năm 1820, từ Gia Định trở ra đến Quảng Bình dịch bệnh nhiều người ốm chết. Vua ban dụ: “Phàm lính là để giữ nước, vẫn không thể thiếu được, mà đạo nuôi dân cũng nên rộng rãi, nên cho ở Kinh và các thành dinh trấn phàm việc sung điền binh đình trốn và chết đều hoãn lại, đợi sau khi yên rồi sẽ bắt cũng chưa muộn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.82). Năm 1824, các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Ninh Bình mất mùa, dân đói kém, phiêu bạt. Vua ban dụ: “Lệ cứ các năm giáp và năm kỷ là khoá duyệt tuyển (lính), nhưng nghĩ các địa phương ấy gần đây mất mùa đói kém, ăn ở chưa được yên, ruộng nương chưa làm hết, nếu theo lệ khó mà khỏi phiền đến dân, có phải là ý trăm yêu nuôi đó sao! Vậy hoãn lại, dân có người già yếu thì cho quan sở tại xét thực, tạm cho miễn binh đao, đợi đến khi tuyển” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.354). Năm 1827, các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Thuận vì nhân dân xiêu tán nên việc tuyển mộ binh lính thiếu, quan các tỉnh tâu xin triều đình cho hoãn. Vua Minh Mạng liền dụ cho hoãn việc bắt lính ở các tỉnh đó “xã nào hơi hồi phục thì hoãn 1 năm, xã nào chưa hồi phục thì hoãn 2 năm hay 3 năm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.694).

Việc mộ binh tuyển lính, vua Minh Mạng quan niệm quân đội cốt tinh không cần nhiều và quan trọng hơn, “lính từ dân mà ra, nếu được lòng dân, lo gì thiếu lính. Nhưng lòng dân không thể dùng tiền tài mà mua được, chỉ cốt nự trị cho phải đường mà thôi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4, tr.487).

Đối với nạn trộm cướp và giặc dã cướp bóc đe dọa tính mạng của dân chúng, vua Minh Mạng đã có nhiều phương cách cứng rắn nhưng cũng rất nhân văn. Khi bàn về trừ nạn trộm cướp, có ý kiến mong triều đình xử nặng/xử tử những tên trộm cướp để yên cho dân chúng, vua Minh Mạng dụ rằng: “Sinh ra tề cướp bóc đa phần cũng vì dân chúng đói kém túng quẫn quá, do đó chức trách của trăm quan cần phải: tuyên truyền đức hoá, khiến dân yên nghiệp làm ăn mà dứt hết gai ác, đó mới là thượng sách để dẹp cướp yên dân”. Vua cũng dạy trăm quan “phàm vương giả trị dân đem lòng thương người để làm chính sách thương người, điều đáng quý là làm sao trừ tàn ác, bỏ giết người hoá gian ngoan thành lương thiện”. Trộm cướp cũng là dân và cũng đều là con đỏ của triều đình, “chỉ những kẻ ác có phạm pháp không thể dạy được thì mới bắt đắ dĩ tội nặng phải giết thôi!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.379). Năm 1826, trước tình hình triều đình đã cử người đến đánh

đẹp, nhưng giặc dã ở Ninh Bình được dân chúng che chở nên vẫn không thể dẹp hết được, ông liền nhắc quan tỉnh Ninh Bình phải “biết khéo vỗ nuôi dân để dân thân, gần với mình thì giặc cướp dân tự bắt thôi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.552).

Quân đội có trách nhiệm bảo vệ đế quyền, bảo vệ đất nước và dân chúng, nhưng quân lính những nhiều dân chúng cũng bị ông trừng phạt. Năm 1834, vua phái Tổng đốc Tạ Quang Cự và Vũ Văn Từ đi đánh dẹp thổ phi ở Cao Bằng 5 tháng trời nhưng không trừ được thổ phi mà quân lính ở lâu làm phiền nhiều dân chúng, vua liền truyền chỉ “từ nay phải biết xấu hổ, cố gắng gấp bội, phải khuyến khích quân sĩ, chinh đốn lại hàng ngũ, hạn trong tháng này phải sớm thành công, nếu sai, sẽ có phép nước”. Đồng thời, giao Tạ Quang Cự và Vũ Văn Từ lấy công chuộc lỗi “giữ công bằng, tra xét minh bạch: nếu có tình tệ như trước, thì từ chánh phó quản vệ, quản cơ trở lên, cho cứ thực nghiêm hặc; từ suất đội trở xuống lập tức mang chém để răn với mọi người” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4, tr.100).

3.4. Đắp đê, trị thủy phòng mưa lũ đe dọa mùa màng và tính mạng dân chúng

Do yếu tố địa hình và lượng mưa lớn, hàng năm nhiều địa phương vùng ven sông ở Bắc Thành thường xảy ra lũ lụt gây ngập úng lúa, cây trồng và sập đổ nhà dân, còn ở vùng ven biển bão tố làm sóng biển dâng cao cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của dân chúng... Năm 1828, ông cho đặt nha môn Đê chính để giúp triều đình tổ chức đắp đê ở những nơi xung yếu và trông coi đê điều phòng vỡ đê gây hại cho dân chúng. Trong những năm ở ngôi, vua Minh Mạng thường xuyên cho tổ chức đắp đê ngăn nước lũ và ngăn mặn: “Đê chính đặt ra ở hạt người là có quan hệ đến đời sống của dân không nhỏ, nhà nước mỗi năm không tiếc phí đến mười vạn tiền và lương để sửa đắp đê” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4, tr.649).

Năm 1828, 1829 tổ chức đắp số lượng đê rất lớn. Đắp đê ở Kim Quan (Bắc Ninh) dài hơn 890 trượng và 10 đê mới các trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Bắc Ninh, Nam Định... tổng cộng dài hơn 3.060 trượng. Tu bổ 7 đê cũ ở các trấn Sơn Tây, Sơn Nam... tổng cộng dài hơn 3.590 trượng... với tổng chi phí hết hơn 175.500 quan (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Đến năm 1829, Bắc Thành tâu báo việc đắp đê năm qua với 18 đê lớn, 1.000 đê nhỏ đã xong và năm nay đã “trải qua chín lần nước lên to, mà đều giữ vững, không có nạn tràn ngập. Nay kỳ trước mùa thu đã qua, nước lụt sắp hết, nước sông hơi trong, thật là nhờ hoàng thượng chăm lo nghĩ cho dân, trừ tính chu đáo. Cho nên lòng trời thuận giúp, sông ngòi linh thiêng mà có sự mừng nước yên lặng này”. Vua rất mừng cho quan lại xem tuồng ở Duyệt Thị đường, gửi hương lụa ra Bắc Thành thưởng công việc đắp đê và sai sắm lễ vật đến tạ miếu hà thần”... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2, tr.888).

Trong quá trình tổ chức đắp đê, một số địa phương xin mộ dân làm, nhưng vua Minh Mạng cho rằng sẽ vất vả cho dân chúng nên triều đình chi ngân khoản để thuê người đắp đê. Tuy nhiên, có địa phương giao khoán cho một nhóm người tổ chức đắp hay tu bổ đê không đảm bảo khi lũ về vỡ đê sẽ nguy hại hơn không đắp đê nên từ năm 1828, ông quy định việc đắp hay tu sửa đê phải thuê dân sở tại làm và có sự giám sát của thuộc quan để đảm bảo chất lượng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2). Vua Minh Mạng còn cho đào và khơi thông nhiều con sông nhằm thoát nước mùa mưa lũ và trữ nước giúp tưới tiêu đồng ruộng, cung cấp nước sinh hoạt cho dân chúng. Đối với những vùng đê vỡ gây hư hại mùa màng,

nhà cửa sụp đổ... triều đình sẽ tổ chức cứu trợ, phát chẩn cho dân chúng. Năm 1827, ba trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Nam Định đều vỡ đê, cửa nhà ruộng nương chìm ngập nhiều, có người chết, vua Minh Mạng gấp rút cho trấn thần phái người cứu dân, chỗ nào thiếu ăn thì phát chẩn, nơi nào thiếu giống thì cấp giống để trồng trọt; sau khi nước xuống cho tu sửa đê... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.3).

Dưới thời vua Minh Mạng, dịch bệnh/bệnh truyền nhiễm diễn ra khá nhiều lần, nhất là hai trận dịch năm Canh Thìn (1820) và năm Canh Tý (1840), triều đình đã có những chính sách chữa bệnh, cứu trợ... cho dân chúng. Đặc biệt là dưới thời vua cha (Gia Long) và ông đã bằng mọi cách tiếp cận với vaccine - phương thức chữa bệnh theo khoa học kỹ thuật hiện đại của phương Tây (Vũ Đức Liêm, 2017).

4. Kết luận

Qua nghiên cứu, chúng ta thấy vua Minh Mạng đã ban định và thực thi nhiều chính sách nhằm nuôi dưỡng sức dân, như: khai khẩn ruộng đất hoang, phát triển kinh tế cũng như cứu trợ, miễn giảm thuế, hoãn duyệt binh, tuyển lính cho những địa phương bị thiên tai, mất mùa, đói kém... Không những vậy, các chính sách đó được ông triển khai một rất linh hoạt và kịp thời nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn. Trong các chính sách, biện pháp được vua Minh Mạng triển khai, khai khẩn ruộng hoang đã mang lại nhiều lợi ích. Chính sách này vừa giúp triều đình phát triển kinh tế, thu thuế, vừa giúp dân chúng no đủ... Hơn nữa, còn xây dựng nhiều làng mạc mới, giảm dần tình trạng dân chúng xiêu tán, ổn định dân cư và ngăn chặn được nạn trộm cướp, giặc dã ẩn nấp những vùng hoang vu, hoang hóa chờ thời cơ nổi lên chống đối triều đình hay cướp phá của dân chúng.

Như vậy, cùng với cuộc cải cách hành chính nhằm thống nhất bộ máy hành chính và quản lý trong cả nước, việc ban định và thực thi các chính sách an dân - chăm lo đời sống cho dân chúng đã ghi nhận công lao và những thành tựu mà vua Minh Mạng đã để lại cho các thế hệ sau.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Huy Khuyến (2013), “Trọng nông và thơ về nông nghiệp của vua Minh Mạng”, Tạp chí *Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, số 3.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.2, 3, 4, 5, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Lê Cảnh Vững (2012), “ Tư tưởng đề cao Nho giáo trong Minh Mệnh chính yếu”, Tạp chí *Khoa học, Đại học Huế*, số 3.
4. Vũ Đức Liêm (2017), “Đậu mùa - một chú giải nhỏ của lịch sử Việt Nam”, <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/Dau-mua--mot-chu-giai-nho--cua-lich-su-Viet-Nam-1109>, truy cập ngày 9/9/2021.